

# Nhận thức về vai trò sở hữu nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

PGS.TS. Nguyễn Thường Lạng

*Đại học Kinh tế Quốc dân*

*Email: langnt@neu.edu.vn*

*Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam tồn tại đa dạng nhiều hình thức sở hữu. Trong số các hình thức đó, sở hữu nhà nước đóng vai trò cực kỳ quan trọng để bảo đảm chức năng kinh tế của nhà nước xã hội chủ nghĩa và ở mức độ lớn hơn, bảo đảm vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần. Bài viết sẽ đưa ra cách hiểu rõ ràng và tổng hợp hơn về các khía cạnh khác nhau của vai trò sở hữu nhà nước nhằm có giải pháp phát huy phù hợp và tránh tình trạng quá chú trọng đến các lực lượng đại diện đối với hình thức sở hữu này dẫn đến làm giảm vai trò của sở hữu nhà nước.*

**Từ khóa:** vai trò, sở hữu nhà nước, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, nền kinh tế Việt Nam còn là một nền kinh tế nhiều thành phần với sự khác biệt giữa các thành phần được thể hiện ở hình thức sở hữu. Trong số các hình thức tổ chức sở hữu là Nhà nước, tư nhân và hỗn hợp trong đó sở hữu nhà nước là cơ sở kinh tế và cấu thành bản chất của kinh tế nhà nước bên cạnh kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Bài viết này sẽ phân tích vai trò của sở hữu nhà nước để làm cơ sở phát huy hiệu quả vai trò của nó trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa càng ngày càng rõ nét của Việt Nam.

## 1. Bản chất và đặc điểm của sở hữu nhà nước

Sở hữu là một mối quan hệ giữa người với người về đối tượng sở hữu. Đây là một phạm trù cơ bản của khoa học kinh tế- chính trị và là nền tảng cho việc nhận thức bản chất của các quan hệ kinh tế. Sản xuất vật chất là cơ sở của đời sống xã hội và là hoạt động sản xuất của loài người. Để tiến hành sản xuất, điều kiện cơ bản đầu tiên là phải có các yếu tố sản xuất như máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu, nhà

xưởng, con người... Việc có các yếu tố sản xuất đó cấu thành nội dung của sự sở hữu và như vậy, sở hữu trở thành điều kiện cơ bản đầu tiên của hoạt động sản xuất của loài người. Mọi sự thay đổi sở hữu có ảnh hưởng rất lớn đến các lĩnh vực kinh tế- xã hội và bản chất sở hữu quyết định bản chất của các quan hệ kinh tế- xã hội. Để thay đổi bản chất của chế độ kinh tế- xã hội, cần thay đổi quan hệ sở hữu. Các cuộc cách mạng xã hội làm đảo lộn toàn bộ các quan hệ xã hội là do thay đổi tính chất của các quan hệ sở hữu. Bài học đầu tiên để tiến hành cuộc cách mạng vô sản là giai cấp vô sản phải đoạt lấy quyền lực xã hội và dùng quyền lực đó để quốc hữu hoá các loại tài sản chủ yếu trong nền kinh tế, chuyển từ tính chất sở hữu tư nhân sang tính chất xã hội nhằm vận hành nền kinh tế theo đúng mục tiêu đặt ra của giai cấp. Thực chất của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc cách mạng về sở hữu và mục tiêu cao nhất là xác lập sở hữu công cộng với sự đại diện của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Sau khi giành được chính quyền được coi là thắng lợi nền tảng của giai cấp vô sản về sở hữu, nền kinh tế sẽ vận hành theo xu hướng xã hội hoá để từng bước chuyển hoá hạ

tầng cơ sở để phù hợp với thượng tầng kiến trúc. Đây là quá trình ra đời một hình thái kinh tế- xã hội mới.

Sở hữu có thể được phản ánh qua các khái niệm như quan hệ sở hữu, chế độ sở hữu, chủ thể, đối tượng sở hữu, hình thức sở hữu... trong đó, chế độ sở hữu là một khái niệm bao trùm nhất và quyết định đến bản chất của chế độ chính trị của một quốc gia trong một giai đoạn lịch sử. Quan hệ giữa chủ thể sở hữu với đối tượng sở hữu phản ánh khía cạnh kỹ thuật và thuộc phạm trù lực lượng sản xuất còn quan hệ giữa các chủ sở hữu với nhau về đối tượng sở hữu phản ánh khía cạnh xã hội và thuộc phạm trù quan hệ sản xuất. Khía cạnh kỹ thuật thể hiện ở việc cải thiện đáng kể công cụ lao động để tác động và đối tượng lao động nhằm tạo năng suất, chất lượng và hiệu quả cao hơn. Các phát minh, sáng chế đều hướng vào cải tiến hoặc thay đổi công cụ lao động này như sự ra đời và phát triển của kỹ thuật tự động hoá, công nghệ thông tin... Khía cạnh xã hội phản ánh cách ứng xử giữa người với người đối với các đối tượng sở hữu. Những tương tác qua lại giữa khía cạnh kỹ thuật và quan hệ tạo thành sự thống nhất biện chứng và vận động liên tục của một hình thái kinh tế- xã hội. Học thuyết giá trị của C.Mác đặt sở hữu ở vị trí trung tâm của các quan hệ kinh tế và các quan hệ này là nền tảng của các quan hệ kinh tế và khởi nguồn của các loại giao dịch kinh tế, kinh doanh hoặc những giao dịch mang bản chất thương mại. (Xem Hình 1) Khi có sự thay đổi sở hữu, hàng loạt các quan hệ khác thay đổi theo cho nên việc duy trì sự ổn định của quan hệ sở hữu là điều kiện để ổn định chính trị, kinh tế và xã hội.

Quan hệ sở hữu nhà nước có thể được xem xét ở cả 3 khía cạnh chính trị, kinh tế và pháp lý. Về mặt chính trị, sở hữu nhà nước gắn với chế độ chính trị, bản chất giai cấp và lực lượng chính trị cơ bản. Về mặt kinh tế, sở hữu nhà nước là tổng thể các loại tài sản thuộc sở hữu nhà nước, được Nhà nước vận hành để làm tăng giá trị đối với nền kinh tế. Về mặt luật pháp, sở hữu nhà nước được xác lập trên cơ sở các quy định pháp lý quy định và bảo vệ quyền sở hữu của nhà nước cũng như quy định các quyền năng cơ bản của loại quan hệ sở hữu này như quyền mua sắm tài sản, đầu tư công hay thực hiện các chương trình, dự án bằng vốn, tài sản, tài nguyên, khoáng sản, nguồn lực... của nhà nước. Về mặt xã hội, sở hữu nhà nước thể hiện qua các quan hệ giữa

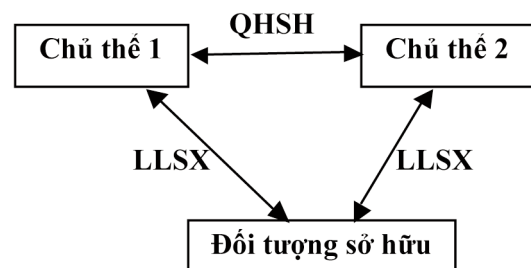
các thành viên trong xã hội tuân theo các quy định của luật pháp và đội ngũ cán bộ hoạt động gắn với sở hữu nhà nước đều có những tiêu chuẩn nhất định.

Từ Hình 1 có thể thấy sở hữu là một loại quan hệ giữa các chủ sở hữu là quốc gia, tổ chức, nhóm người hoặc các cá nhân về đối tượng sở hữu. Đối tượng sở hữu có thể là tài sản hữu hình, tài sản vô hình, tài sản tài chính, sức lao động... Mọi quan hệ phát sinh từ quan hệ sở hữu là quan hệ giữa các chủ thể với nhau. Sự sở hữu tăng tính tách biệt, chia cắt giữa các đối tượng sở hữu và đó là cơ sở của các mâu thuẫn hoặc thống nhất trong một mối quan hệ và là nền tảng tương tác biện chứng và vận động của quan hệ sở hữu từ trạng thái này sang trạng thái khác.

Sở hữu là một tiền đề cơ bản của sản xuất hàng hoá và cùng với phân công lao động xã hội, tạo nên sự tương tác lẫn nhau giữa các chủ sở hữu ở mức độ cao nhất. Do đó, nền kinh tế thị trường là một nền kinh tế vận hành dựa trên nền tảng của sự khác biệt về tính chất sở hữu trong đó sở hữu nhà nước là một bộ phận quan trọng. Sở hữu nhà nước góp phần làm tăng tính chất thị trường hay bản chất thương mại của các giao dịch kinh tế vì nó cho phép tồn tại một chủ thể sở hữu với những đặc điểm khác biệt so với các chủ sở hữu khác (sở hữu tư nhân hay sở hữu hỗn hợp). Bảng 1 cho thấy hình thức sở hữu nhà nước luôn tồn tại mặc dù độ lớn của các đối tượng thuộc sở hữu nhà nước có sự khác nhau giữa các quốc gia và các thời kỳ.

Quan hệ sở hữu có thể nhìn từ các góc độ khác nhau. Dưới góc độ chủ thể có sở hữu nhà nước, tập thể, tư nhân và hỗn hợp. Dưới góc độ tính chất của quan hệ có quan hệ mang tính chất tư nhân hoặc tính chất xã hội và mỗi hình thức sở hữu chỉ có thể nghiêng về một trong hai tính chất cơ bản này. Tuy

**Hình 1: Mô phỏng quan hệ sở hữu**



*Nguồn: Tổng hợp của tác giả*

**Bảng 1: Mối quan hệ hình thức sở hữu và trạng thái kinh tế**

Hình thức sở hữu \ Nền kinh tế	Tư nhân	Hỗn hợp	Nhà nước
<b>Thị trường</b>	1	2	3
<b>Hỗn hợp</b>	4	5	6
<b>Kế hoạch hoá mệnh lệnh</b>	7	8	9

*Nguồn: Kinh tế học G. Mankiw*

nhiên, cần có sự phân biệt giữa tính chất xã hội và tính đại diện của sở hữu. Tính đại diện là một hiện tượng phổ biến vì mọi quan hệ sở hữu đều có một quan hệ xã hội đại diện- các lực lượng và giá trị kinh tế cơ sở đều có một đại diện về mặt xã hội. Còn tính chất xã hội của sở hữu chỉ được phát huy tối đa khi xuất hiện sở hữu toàn dân hay công hữu- một trạng thái mà theo C.Mác chỉ có thể đạt được trong giai đoạn chủ nghĩa cộng sản.

Theo quan điểm duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác- Lênin, khi chế độ cộng sản nguyên thủy tan rã, với sự xuất hiện chế độ tư hữu và phân chia giai cấp, nhà nước ra đời và theo đó sở hữu nhà nước cũng xuất hiện. Quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin cũng chỉ coi nhà nước là sản phẩm lịch sử và tồn tại cũng với sự tồn tại của giai cấp và đấu tranh giai cấp cho nên khi xã hội không còn giai cấp, không còn đấu tranh giai cấp thì nhà nước bị tiêu vong theo đúng quy luật tiến hoá của lịch sử và sở hữu toàn dân ra đời như một tất yếu.

Trong đường lối phát triển kinh tế Trung Quốc, sở hữu nhà nước được hiểu là quốc hữu. Trung Quốc chủ trương kiên trì và hoàn thiện chế độ kinh tế cơ bản lấy chế độ công hữu làm chủ thể, nhiều thành phần kinh tế cùng phát triển. Đường lối kinh tế của Trung Quốc coi trọng củng cố và phát triển kinh tế quốc hữu và coi kinh tế quốc hữu có vai trò then chốt đối với việc phát huy tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Đồng thời Trung Quốc còn khẳng định đường lối kiên trì chế độ công hữu làm chủ thể, thúc đẩy sự phát triển của kinh tế phi công hữu, quản lý tài sản quốc hữu cũng như lấy xí nghiệp quốc hữu làm trụ cột của nền kinh tế (VK Đại hội 16, ĐCS Trung Quốc, trang 19,20). Như vậy, Trung Quốc thừa nhận có sở hữu nhà nước trong nền kinh tế thị trường mang đặc sắc Trung Quốc nhưng với một tên gọi khác.

Các nghiên cứu trong kinh tế học hiện đại sử

dụng khái niệm sở hữu nhà nước là một trong những căn cứ để phân loại các nền kinh tế trên thế giới. Sở hữu nhà nước được thể hiện ở quan hệ chiếm hữu, sử dụng và định đoạt các loại tài sản do Nhà nước sở hữu. Thông thường sở hữu nhà nước tồn tại cùng với sở hữu tư nhân và sở hữu hỗn hợp trong nền kinh tế thị trường. (Xem Bảng 1).

Ở Việt Nam, Hiến pháp Việt Nam (2012, Điều 15) khẳng định sở hữu toàn dân cùng với sở hữu tập thể là nền tảng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mặc dù vẫn thừa nhận sự tồn tại của sở hữu tư nhân. Sở hữu toàn dân ở Việt Nam do nhà nước đại diện là sự thể hiện tính đặc thù của chế độ sở hữu ở Việt Nam. Quá trình chuyển nền kinh tế Việt Nam sang nền kinh tế thị trường càng làm bộc lộ rõ nét sở hữu nhà nước như là sự thể hiện trực tiếp và một phần của sở hữu toàn dân. Hệ thống pháp luật Việt Nam, mặc dù không sử dụng trực tiếp thuật ngữ sở hữu nhà nước, song vẫn khẳng định quyền hợp pháp của sở hữu của nhà nước về vốn, tài sản... Điều này gần như mặc định thừa nhận trên thực tế sự tồn tại không tranh cãi sở hữu nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Từ các xem xét trên đây có thể thấy sở hữu nhà nước là hình thức sở hữu được xem xét từ góc độ chủ thể là Nhà nước. Khái niệm sở hữu nhà nước được trình bày trong sách Kinh tế chính trị học Mác- Lênin là “hình thức sở hữu mà nhà nước là đại diện cho nhân dân sở hữu những tài nguyên, tài sản, những tư liệu sản xuất chủ yếu và những của cải của đất nước” (Kinh tế chính trị học, 287).

Sở hữu nhà nước có những đặc điểm nhất định, cụ thể là:

Nhà nước là chủ thể sở hữu duy nhất với quyền lực cao nhất. Nhà nước vừa là chủ sở hữu vừa là cơ quan có quyền lực xây dựng chính sách và luật pháp để bảo vệ đối tượng sở hữu của mình. Đây là hình

thức sở hữu một chủ mà nó chỉ có thể bộc lộ rõ nét trong quan hệ giữa nhà nước với nhà nước. Chính tính duy nhất của chủ thể là điều kiện để chủ thể có quyền lực tuyệt đối trong nhiều loại quan hệ và thu được lợi ích đặc biệt nhờ tính duy nhất của vị thế. Hơn nữa, vị thế đặc biệt này phát sinh những nghĩa vụ giữa các quốc gia mà chỉ có Nhà nước là chủ thể phải thực hiện. Chẳng hạn, các cam kết quốc tế trong Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) được chính phủ các quốc gia thành viên cam kết và thực hiện. Mỗi quốc gia là một chủ thể duy nhất.

Nhà nước là chủ sở hữu còn quyền sử dụng các đối tượng sở hữu được giao cho các tổ chức, đơn vị kinh tế hoặc các cá nhân đại diện nhà nước thực hiện phát triển kinh tế theo đúng các mục tiêu của chiến lược hoặc chính sách phát triển từng giai đoạn. Các loại tài sản nhà nước được giao cho các tổ chức, đơn vị như Tổng công ty hay các tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước... có thể được sử dụng có hiệu quả cao hay thấp. Quá trình giao các loại tài sản thuộc sở hữu nhà nước đối với các đơn vị, tổ chức, công ty hay tập đoàn... thực chất là quá trình phân quyền về sở hữu, có thể chịu tác động của nhiều yếu tố như chiến lược, hiệu quả hoặc các quan hệ xã hội ràng buộc khác. Nhà nước thực hiện vai trò kinh tế nghĩa là nhà nước cũng là một tổ chức sản xuất hàng hoá, cung ứng dịch vụ và thu lợi nhuận theo những nguyên tắc của nền kinh tế thị trường.

Chủ sở hữu của sở hữu nhà nước là một tổ chức cho nên việc thực thi các quyền năng của chủ sở hữu cần có cơ chế thích hợp để tránh tình trạng rơi vào sự độc đoán, chuyên quyền hoặc buông lỏng quản lý. Việc thực hiện các quyền năng của sở hữu nhà nước là quá trình vận hành đồng bộ của cả thể chế chính trị, chế độ kinh tế và các quan hệ xã hội. Những thay đổi về sở hữu nhà nước như tỷ trọng, quy mô, vị thế cần hết sức thận trọng để tránh gây ra những đảo lộn trong cả nền kinh tế trong đó có cả sự thay đổi của hệ thống chính trị, cơ cấu và cơ chế thực hiện quyền lực chính trị.

Sở hữu nhà nước dễ bị nhầm lẫn với sở hữu toàn dân khi khẳng định nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước của dân, do dân và vì dân. Thực chất sở hữu nhà nước tồn tại gắn liền với nhà nước và nhà nước là sản phẩm của cuộc đấu tranh giai cấp. Sở hữu toàn dân chỉ tồn tại khi không còn giai cấp, không còn nhà nước và là quá trình phủ định trực

tiếp sở hữu tư nhân ở trình độ cao nhất. Do đó, không thể đơn giản khẳng định sở hữu nhà nước xã hội chủ nghĩa hay sở hữu nhà nước vận hành theo định hướng xã hội chủ nghĩa là sở hữu toàn dân hình thức sở hữu chỉ tồn tại duy nhất trong chế độ cộng sản chủ nghĩa mà hiện tại chưa có trên thực tế.

Các trạng thái kết hợp giữa hình thức sở hữu với bản chất nền kinh tế trong Hình 2 có thể được giải thích theo hai cách tiếp cận. Thứ nhất, đối với cách tiếp cận nền kinh tế hay cách tiếp cận theo chiều ngang. Tất cả các nền kinh tế đều có các hình thức sở hữu tư nhân, hỗn hợp và nhà nước nghĩa là bao gồm cả trạng thái 1, 2 và 3. Vấn đề là tỷ trọng của các hình thức sở hữu đó ở mức độ nào. Chẳng hạn, đối với nền kinh tế thị trường, mặc dù có đầy đủ các hình thức sở hữu nhưng hình thức sở hữu nhà nước chỉ chiếm khoảng 20%. Còn lại là tư nhân và hỗn hợp. Đối với nền kinh tế hỗn hợp, mặc dù có đủ các hình thức sở hữu và bao gồm các trạng thái 4, 5 và 6 nhưng tỷ trọng sở hữu nhà nước cũng giảm xuống đáng kể. Đối với nền kinh tế kế hoạch hóa mệnh lệnh, vẫn có các hình thức sở hữu và với các trạng thái 7, 8 và 9 nhưng sở hữu nhà nước chiếm tỷ trọng đáng kể có thể trên 80%. Thứ hai, có thể tiếp cận theo hình thức sở hữu hay tiếp cận theo chiều dọc. Các nền kinh tế đều có sở hữu tư nhân với các trạng thái 1, 4 và 7 trong đó tỷ trọng của sở hữu tư nhân có thể khác nhau đáng kể như đã nêu ở trên. Tương tự, có thể xem xét với các hình thức sở hữu khác. Như vậy, có thể thấy, dù tiếp cận ở góc độ nào, sở hữu cũng là yếu tố không thể thiếu khi xem xét bản chất của nền kinh tế và đó là một căn cứ cơ bản đánh giá trạng thái của nền kinh tế để có cách thức ứng xử phù hợp. Cho đến nay, chưa có một nền kinh tế nào chỉ có thuần túy một hình thức sở hữu cho nên các học giả Trung Quốc đã có quan niệm nền kinh tế thị trường mang đặc sắc Trung Quốc có sở hữu hỗn hợp nghĩa là gồm nhiều hình thức sở hữu tồn tại và thâm nhập lẫn nhau kể cả sở hữu nhà nước xã hội chủ nghĩa và sở hữu tư bản tư nhân vốn được coi là những hình thức sở hữu đối lập nhau trong nền kinh tế kế hoạch hoá.

## **2. Các hình thức biểu hiện của sở hữu nhà nước**

Sở hữu nhà nước có thể được thực hiện thông qua các hình thức tổ chức khác nhau cả về kinh tế và pháp lý. Sở hữu nhà nước tư bản chủ nghĩa được

hình thành từ cuộc cách mạng tư sản còn sở hữu nhà nước xã hội chủ nghĩa được hình thành từ cuộc cách mạng vô sản với hành động quốc hữu hoá tất cả các loại tài sản thuộc sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa và chuyển chúng thành sở hữu xã hội của giai cấp vô sản. Biểu hiện của sở hữu nhà nước là các hình thức tổ chức kinh doanh có sự tham gia của sở hữu nhà nước được bảo đảm bằng các quy định pháp luật. Các hình thức biểu hiện của sở hữu nhà nước có thể được phân loại theo tỷ lệ các loại tài sản hoặc nguồn vốn do nhà nước sở hữu góp vào vốn và tài sản của doanh nghiệp hoặc tổ chức. Hay nói cách khác, hình thức sở hữu nhà nước được thể hiện ở cơ cấu và tỷ trọng của đối tượng sở hữu thuộc chủ thể nhà nước trong cơ cấu nhiều loại chủ sở hữu khác nhau. Các hình thức biểu hiện của sở hữu nhà nước là sản phẩm của quá trình cổ phần hoá, mua bán, sáp nhập, cho thuê... các loại tài sản thuộc sở hữu nhà nước sang sở hữu của các loại chủ thể khác- một quá trình diễn ra ngược lại so với quá trình quốc hữu hoá. Hầu hết các nước trong quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế vận hành theo cơ chế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường đều có tình trạng xuất hiện khá đa dạng các hình thức biểu hiện của sở hữu nhà nước nhưng tuyệt nhiên không phải là sự phân rã của sở hữu nhà nước. Các hình thức biểu hiện của sở hữu nhà nước bao gồm:

Sở hữu nhà nước 100%: Đây có thể là loại doanh nghiệp nhà nước trong đó toàn bộ vốn, tài sản và các nguồn lực hoàn toàn do nhà nước sở hữu và bộ máy quản lý do nhà nước bổ nhiệm, miễn nhiệm, đề bạt hoặc giáng chức, điều động... Loại hình doanh nghiệp này chủ yếu cung ứng các loại hàng hoá hay dịch vụ tiện ích công cộng. Những hoạt động của chúng hoàn toàn phụ thuộc vào những nhiệm vụ do nhà nước giao và gần như hoạt động theo cơ chế kế hoạch hoá mang tính mệnh lệnh. Loại hình doanh nghiệp này có thể được tổ chức dưới dạng các tổng công ty, tập đoàn kinh tế và là tổ chức trực tiếp tiếp nhận sự phân bổ các nguồn lực từ phía nhà nước. Chúng có sứ mệnh kỳ vọng là bảo toàn và phát triển vốn do nhà nước sở hữu, giảm thiểu tình trạng thất thoát, mất mát... Nhưng thực tế cho thấy, tỷ lệ sinh lợi của các đối tượng sở hữu thuộc các loại doanh nghiệp này rất thấp do sở hữu nhà nước chưa thực sự trở thành áp lực và động lực cao nhất thúc đẩy việc tối đa hoá lợi ích và hiệu quả của các đối tượng

sở hữu. Nhiều nhiệm vụ chính trị đặt ra đòi hỏi phải hy sinh các mục tiêu kinh tế và mục tiêu lợi nhuận thông thường. Một số tập đoàn kinh tế nhà nước ở Việt Nam hoặc ở Hàn Quốc đặc trưng của hình tổ chức sở hữu này và thường xuyên đặt ra nhu cầu tái cơ cấu.

Sở hữu nhà nước không chế 51%: Đây là loại hình doanh nghiệp cổ phần trong đó phần vốn do nhà nước sở hữu chiếm ít nhất 51%. Đại diện của doanh nghiệp cũng là đại diện của nhà nước do nhà nước giữ vai trò không chế. Tuy nhiên, chiến lược và sự vận hành của doanh nghiệp này còn phải bảo vệ lợi ích của các cổ đông không phải của Nhà nước. Những nhiệm vụ của doanh nghiệp loại này chịu sự ảnh hưởng trực tiếp của các quyết định của nhà nước và những tác động của cơ chế thị trường. Cơ chế ra quyết định được quy định cụ thể trong điều lệ công ty với những nguyên tắc như tập trung dân chủ, tập thể quyết định cá nhân phụ trách, thiểu số phục tùng đa số...

Sở hữu nhà nước dưới 49%: Đây là loại hình doanh nghiệp mà phần vốn của nhà nước chiếm tỷ trọng thiểu số, bên cạnh đó còn có cả vốn của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Người đại diện của doanh nghiệp không phải do nhà nước chỉ định hay bổ nhiệm mà do đại hội cổ đông bầu ra. Những nhiệm vụ của loại hình tổ chức này chủ yếu gắn với nhu cầu của thị trường, phần nhiệm vụ do nhà nước giao có thể rất hạn chế trừ những trường hợp đặc biệt và trong những hoàn cảnh đặc biệt. Chẳng hạn, các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài với sự góp vốn của phía Việt Nam trong đó tỷ lệ góp vốn đa số thuộc về nhà đầu tư nước ngoài dưới hình thức công nghệ, máy móc, thiết bị, bí quyết kỹ thuật, thương hiệu, vốn đầu tư... còn bên Việt Nam là doanh nghiệp nhà nước góp vốn dưới hình thức giá trị quyền sử dụng đất, nhà xưởng, máy móc, bí quyết, tiền Việt Nam... Trên cơ sở tỷ lệ góp vốn và hình thức pháp lý của doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn, các bên tham gia liên doanh sẽ được phân chia lợi nhuận và chia sẻ rủi ro theo tỷ lệ vốn góp hay theo độ lớn của sở hữu tham gia. Mục đích của doanh nghiệp liên doanh thường do nhà đầu tư nước ngoài quyết định nhờ có tỷ lệ góp vốn không chế cho nên khi bên Việt Nam không đủ năng lực thực hiện các nhiệm vụ của liên doanh, bên nước ngoài có thể tìm cách đề loại bỏ bên Việt Nam để trở thành doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước

ngoài và do đó, hầu hết các quyền điều hành, sử dụng và định đoạt tài sản của doanh nghiệp do nhà đầu tư ngoài quyết định trừ những nghĩa vụ phải đóng góp theo luật định đối với chính phủ sở tại. Sở hữu nhà nước thiểu số có thể là bước trung gian để sở hữu nhà nước thiểu số này cũng không còn tồn tại khi các mục tiêu chiến lược không đòi hỏi sự hiện diện của sở hữu nhà nước của nước sở tại.

Các hình thức biểu hiện của sở hữu nhà nước có thể được tổ chức theo đối tượng hoặc lĩnh vực như khoáng sản, dầu khí, công nghiệp thép, đóng tàu, ô tô, xe máy, điện tử, bất động sản, chế biến nông - lâm - thủy sản, dịch vụ... với các tỷ lệ sở hữu như được đề cập trên đây.

Đối với sở hữu nhà nước xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường, những đặc thù của nó thể hiện:

+ Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước của dân, do dân và vì dân cho nên sở hữu nhà nước có mục đích trực tiếp, duy nhất và ưu tiên cao nhất là phục vụ lợi ích của toàn dân.

+ Mang bản chất sở hữu xã hội sâu sắc và là trình độ cao nhất của sở hữu nhà nước có định hướng chuyển hoá thành sở hữu toàn dân - trình độ cao nhất của sở hữu.

+ Thể hiện sự kết hợp tối ưu giữa những đặc trưng của sở hữu nhà nước và vai trò quyền lực nhà nước với những tác động của nền kinh tế thị trường bị giới hạn bởi vai trò điều tiết của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

+ Hiệu quả của sở hữu nhà nước phụ thuộc trực tiếp vào hiệu quả sử dụng các đối tượng sở hữu vì có sự tách biệt giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng. Nhà nước là chủ sở hữu duy nhất nhưng việc sử dụng các đối tượng thuộc sở hữu nhà nước lại được giao cho một cơ quan cụ thể hoặc các doanh nghiệp, tập đoàn hoặc các tổng công ty nhà nước... Tuy nhiên, khía cạnh này cũng làm xuất hiện tình trạng tham nhũng và lạm dụng quyền sở hữu của nhà nước để tạo vị thế độc quyền thị trường, sử dụng hiệu quả không cao các đối tượng sở hữu thậm chí biến sở hữu nhà nước thành sở hữu của những người có quyền sử dụng. Đặc trưng này còn cho thấy rõ bản chất của quá trình tư nhân hoá và cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước là để giảm thiểu tình trạng tham nhũng, lạm dụng quyền và kém hiệu quả của việc sử dụng các đối tượng thuộc sở hữu nhà nước, tăng tính

trực tiếp của các tác động giữa chủ sở hữu với đối tượng sở hữu.

### **3. Vai trò sở hữu nhà nước Việt Nam trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**

Sở hữu nhà nước là hình thức sở hữu khách quan tồn tại trong nền kinh tế thị trường cho nên cần phát huy tối đa vai trò của nó, đặc biệt là những tác động và các lan toả tích cực. Ở Việt Nam, nhà nước là đại diện sở hữu toàn dân và thực chất, tính đại diện đó là sự biểu hiện của sở hữu nhà nước - hình thức sở hữu tồn tại hợp pháp và được bảo đảm chặt chẽ của cả hệ thống luật pháp và thể chế vận hành. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đề cao vai trò của Nhà nước so với thị trường tự do mặc dù cả hai lực lượng này tồn tại xen kẽ nhau, vừa bổ sung cho nhau vừa thay thế nhau và cùng vận động theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chính vì thế, sở hữu nhà nước trong nền kinh tế thị trường càng quan trọng tạo nên nền tảng của các giao dịch vì nó thể hiện ưu thế của những tác động và vận hành vai trò nhà nước đối với nền kinh tế so với lực lượng thị trường. Nhà nước Việt Nam là nhà nước xã hội chủ nghĩa, của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân cho nên sở hữu nhà nước ngoài những nhiệm vụ kinh tế do bản chất nội tại vốn có của nó mang lại còn có những nhiệm vụ phi kinh tế đặc biệt là những nhiệm vụ chính trị và trách nhiệm xã hội - cộng đồng to lớn. Ở Việt Nam, sở hữu nhà nước thường được hiểu gần với sở hữu toàn dân và điều này đã được đưa vào giảng dạy trong các quyển sách giáo khoa Kinh tế - chính trị học Mác - Lênin trong hệ thống giáo dục Việt Nam trong một thời gian dài. Các nghiên cứu về vai trò của sở hữu nhà nước trong nền kinh tế thị trường nói chung và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam chưa nhiều mà chủ yếu đề cập đến hiệu quả sử dụng các đối tượng sở hữu nhà nước trong các doanh nghiệp hoặc tập đoàn. Trong điều kiện còn tồn tại nhà nước là chủ thể quan trọng hàng đầu của hệ thống chính trị, sở hữu nhà nước có vai trò ngày càng gia tăng. Nhà nước là công cụ của giai cấp cho nên sở hữu nhà nước là yếu tố chi phối đáng kể đến quyền lực giai cấp, do đó, có tác động đến toàn xã hội. Những vai trò cụ thể của sở hữu nhà nước thể hiện:

\* *Thứ nhất*, củng cố và gia tăng quyền lực chính trị nhà nước theo mục tiêu xác định. Nhà nước hiểu

theo nghĩa rộng là kết quả của cuộc đấu tranh giai cấp và được thể hiện ở cả hệ thống chính trị bao gồm đảng cầm quyền, bộ máy nhà nước (cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp), các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, mặt trận... Nhà nước là tổ chức đại diện đầy đủ, cao nhất và hợp pháp của ý chí và nguyện vọng của toàn xã hội. Sở hữu nhà nước tạo nên tăng kinh tế để bảo đảm nội dung vật chất và vị trí trung tâm của các quan hệ lãnh đạo và điều tiết toàn bộ hệ thống chính trị- kinh tế- xã hội. Quyền lực được thể hiện ở quyền phân bổ và phân phối nguồn lực do nhà nước sở hữu như đất đai, tài nguyên khoáng sản, các loại tài sản hữu hình và vô hình, nguồn vốn, quan hệ... đối với các đối tượng trong xã hội. Quyền lực còn được thể hiện ở quyền hoạch định chiến lược và chính sách, xây dựng và tổ chức thực hiện các quy định pháp luật, quyền lực độc quyền các nguồn lực khan hiếm, nguồn lợi quốc gia, ngân sách nhà nước và quyền chiếm giữ các lợi thế đặc biệt. Các chức năng cơ bản của Nhà nước là bạo lực trấn áp và tổ chức xây dựng (V.I. Lênin, 1922) được thực hiện có hiệu quả nhờ thực hiện các quyền năng của sở hữu nhà nước. Quyền lực chính trị càng mạnh, các quyền năng sở hữu của sở hữu nhà nước như quốc hữu hoá, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt, sáp nhập, mua lại, chuyển nhượng, phá sản... đối với các loại tài sản trong xã hội càng có cơ hội để phát huy triệt để và ngược lại. Tuy nhiên, vai trò này có thể dẫn đến đề cao quá mức quyền lực nhà nước, do đó, dẫn đến tình trạng lạm quyền để thu tóm lợi ích và hình thành nhóm lợi ích cục bộ. Sự lạm quyền này dễ biến sở hữu nhà nước thành quan hệ mang tính hình thức hoặc chỉ sử dụng danh nghĩa nhà nước còn thực chất là sở hữu của một nhóm người thu tóm quyền lực có bản chất của sở hữu tư nhân. Đây là nơi này sinh sự lãng phí, phân bổ thiếu hiệu quả nguồn lực, các giao dịch kinh tế ngầm... và tình trạng thiếu minh bạch của các giao dịch. Tình trạng này còn dẫn đến cơ chế “xin- cho” hoặc thủ tục hành chính rườm rà, phức tạp để trục lợi.

\* *Thứ hai*, tạo điều kiện để Nhà nước không chế, kiểm chế thậm chí kiểm soát tác động ngoài mong đợi của cơ chế thị trường với quy luật cạnh tranh gay gắt, đào thải triệt để và phát triển không ngừng vốn là sản phẩm chủ yếu của sở hữu tư nhân. Các nguồn lực được sở hữu tư nhân huy động nhằm đầu cơ, lũng đoạn, thao túng thị trường, bóc lột lao động

và khai thác tối đa tài nguyên để tối đa hoá lợi nhuận hoặc động lực tìm kiếm những khoản siêu lợi nhuận, những khoản lợi “kéch xù” vốn là sản phẩm của cơ chế thị trường bị giảm thiểu bằng việc điều tiết của các nguồn lực nhà nước về tài nguyên, dự trữ quốc gia hoặc các công cụ, biện pháp giáo dục, thuyết phục, cưỡng chế khác. Những cuộc cạnh tranh gay gắt thông qua thu tóm, sáp nhập, mua lại để chiếm thị trường, giành vị trí độc quyền làm tăng tính bất ổn kinh tế vĩ mô, khủng hoảng và gây mất chi phí điều chỉnh trong tương lai được điều tiết bằng chính sách và các biện pháp của nhà nước. Các quy định luật pháp về chống độc quyền và khuyến khích cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng bảo đảm duy trì trật tự và sự bền vững của môi trường kinh doanh. Sở hữu nhà nước góp phần “pha loãng và giảm nhẹ” cường độ, mật độ cũng như mức độ gay gắt của các quan hệ thuộc sở hữu tư nhân với sự vận hành liên tục và đến mức cao nhất của “bàn tay vô hình” nhưng chưa đến mức tự phủ định biện chứng để chuyển sang trạng thái khác. Sự vận hành của sở hữu nhà nước với mức độ đại diện càng cao lợi ích của dân tộc và toàn dân là những điều kiện quan trọng ban đầu để tiến tới sở hữu toàn dân theo đúng quy luật vận hành đầy đủ của quan hệ sở hữu. Tuy nhiên, việc lạm dụng vai trò khống chế này quá mức làm triệt tiêu hoàn toàn sở hữu tư nhân thậm chí xoá sổ hoàn toàn mà điều này được áp dụng bằng các hoạt động quốc hữu hoá, sung công, trưng dụng hoặc tịch thu bằng biện pháp hành chính, “tước đoạt của kẻ đi tước đoạt” trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam bằng phong trào cải cách, cải tạo, tập thể hoá... triệt để thực hiện trước khi tiến hành công cuộc đổi mới kinh tế (1986). Kết quả là các hình thức sở hữu cơ bản của nền kinh tế Việt Nam chỉ còn lại là sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. Cách thức này làm triệt tiêu động lực quan trọng hàng đầu của nền kinh tế thị trường là sự phát huy tối đa tác dụng vận động của sở hữu tư nhân hay đã điều đó đã vô tình loại bỏ một trụ cột quan trọng trong phát triển. Ở một thái cực khác, nếu giảm thiểu phần sở hữu của nhà nước hoặc thiếu sự điều tiết, dẫn dắt của nhà nước phù hợp có thể dẫn đến tình trạng hỗn loạn, khủng hoảng... như trường hợp cho vay kinh doanh bất động sản dưới chuẩn ở Hoa Kỳ thiếu sự kiểm soát chặt chẽ của Nhà nước kịp thời và có hiệu quả đã dẫn đến tình trạng khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu từ năm

2008 mà thế giới phải mất không dưới 5 năm để phục hồi. Cả thế giới phải sử dụng đến gói cứu trợ lên đến một nghìn tỷ đô la để khắc phục và gói cứu trợ này thể hiện tác động của sở hữu nhà nước đến sự vận động ngoài mong đợi của thị trường. Sự không thành công của cơ chế thị trường cũng là thước đo mức độ hiệu quả của việc thực hiện sở hữu nhà nước được biểu hiện ở việc phát huy vai trò của Nhà nước đối với sự vận hành của nền kinh tế. Hay nói cách khác, thất bại của thị trường cũng là thất bại của việc phát huy vai trò sở hữu nhà nước vì nhà nước và thị trường trong cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước luôn song hành cao độ và bổ sung, hỗ trợ nhau triệt để, cùng thực hiện mục tiêu đặt ra thống nhất.

\* *Thứ ba*, tạo cơ sở hình thành hệ thống tiêu chí khoa học và khả thi để quy định và phân định rõ ràng phạm vi và mức độ sở hữu tài sản, nguồn lực nhà nước nhằm sử dụng chúng làm công cụ điều tiết kinh tế, bảo vệ an ninh quốc gia, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ bản sắc văn hoá và thuần phong mỹ tục dân tộc và làm đối trọng trong quan hệ đối ngoại. Các quy định về tỷ lệ sở hữu nhà nước trong các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh, doanh nghiệp, tập đoàn, vấn đề bổ nhiệm, đề bạt, bãi miễn cán bộ chủ chốt, phê duyệt các dự án, chỉ định thầu, mua sắm chính phủ, hợp tác công- tư... là tiêu chí quan trọng cho thấy phạm vi ảnh hưởng, những giới hạn quan trọng của sở hữu nhà nước. Sở hữu nhà nước còn bảo đảm các quyền năng cơ bản của sở hữu nhà nước là chiếm hữu nhà nước, sử dụng nhà nước, định đoạt nhà nước được vận hành phù hợp cũng như làm bộc lộ mức độ quan trọng khác nhau của các quyền năng này. Chẳng hạn, với các tập đoàn kinh tế hoặc các tổng công ty có vốn nhà nước chi phối, quyền sử dụng đóng vai trò lớn hơn so với quyền chiếm hữu và định đoạt do quyền này quyết định đến hiệu quả thực hiện của các giá trị được sở hữu với các khoản tiền vốn và tài sản khổng lồ của nhà nước. Đồng thời, những nhân sự chủ chốt của các doanh nghiệp nhà nước được bổ nhiệm theo quy chế đặc thù. Các tiêu chí này cũng có sự thay đổi nhất định như việc mở cửa thị trường theo các cam kết trong Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) làm thay đổi tỷ lệ này trên nguyên tắc có đi có lại giữa các nước thành viên. Ngoài ra, sở hữu nhà nước và theo đó là cách thức ứng xử giữa các tác nhân trong nền kinh tế là tiêu chí để đánh giá bản

chất thị trường của nền kinh tế trong các vụ kiện chống bán phá giá.

\* *Thứ tư*, bảo đảm điều kiện để nhà nước cung ứng đầy đủ hàng hoá và dịch vụ công cộng trước hết là những hàng hoá thiết yếu, bảo vệ quyền lợi những đối tượng kém lợi thế trong xã hội, phát triển các vùng có điều kiện lạc hậu, địa bàn kinh tế- xã hội khó khăn, bảo đảm an sinh xã hội, trợ cấp, trợ giá, hỗ trợ, viện trợ quốc tế, thực hiện nghĩa vụ quốc gia trong các tổ chức quốc tế hoặc các định chế quốc tế cũng như các nghĩa vụ khác trong cộng đồng quốc tế. Sở hữu nhà nước thông qua ngân sách quốc gia và các nguồn lực khác do Nhà nước sở hữu là công cụ kinh tế, tài chính hiệu quả để nhà nước thực hiện khuyến khích hay hạn chế một ngành, lĩnh vực hoặc doanh nghiệp theo mục tiêu đặt ra. Các chính sách tiền tệ, tài khoá, thương mại, cạnh tranh... để phát huy tác dụng đều cần có sự tham gia của sở hữu nhà nước thông qua các tác động của các loại công cụ hoặc biện pháp tài chính, lãi suất, tỷ giá, quy hoạch, đầu tư công... Sự tồn tại và phát triển của sở hữu nhà nước góp phần hoàn thiện các chính sách phát triển và thể chế bảo vệ. Đây là động lực để hệ thống chính sách, luật pháp, quy định tiếp tục hoàn thiện và gia tăng hiệu năng thực hiện. Bản chất của hàng hoá công cộng không có tính tranh giành cho nên việc cung ứng các hàng hoá đó chỉ có thể đạt được sự tối ưu nếu phát huy được vai trò của sở hữu nhà nước.

\* *Thứ năm*, đặt nền tảng và chỗ dựa tin cậy nhất để thu hút, quy tụ, liên kết và khuyến khích sự phát triển của các hình thức sở hữu khác như sở hữu tư nhân, sở hữu hỗn hợp, sở hữu có yếu tố nước ngoài. Sự tồn tại và vận động của sở hữu nhà nước góp phần làm tăng tính đa dạng của sở hữu, góp phần bổ sung lẫn nhau giữa các hình thức sở hữu cũng như huy động tối đa nguồn lực và triệt để khai thác mọi cơ hội phát triển. Vai trò định hướng, dẫn dắt và điều tiết của sở hữu nhà nước là phạm trù mang tính lâu dài và là thuộc tính không thể thiếu của nhà nước. Đặc biệt trong nền kinh tế chưa phải thị trường thuần tuý hoàn toàn, vai trò này trở thành yếu tố khó có khả năng thay thế. Những điều chỉnh sở hữu nhà nước có tác động đến sự vận hành của các hình thức sở hữu còn lại. Chẳng hạn, việc bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước cho tập thể hoặc tư nhân, cho thuê, giải thể, phá sản hoặc thực hiện cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước là cách thức giảm độ lớn và



tỷ lệ sở hữu nhà nước và do đó, tăng tỷ lệ và độ lớn của sở hữu tập thể hoặc tư nhân trở thành điều kiện mở rộng và phát triển đa dạng các hình thức sở hữu ngoài nhà nước, tăng khả năng phát triển của các hình thức sở hữu. Thực chất của các quá trình điều chỉnh này là làm thay đổi các quyền năng của chủ sở hữu hay làm “phái sinh hoá” các quyền năng sở hữu để chủ sở hữu chủ động, năng động và sáng tạo hơn trong các quan hệ kinh doanh. Chủ sở hữu càng nhiều quyền năng, càng có điều kiện để khai thác triệt để các cơ hội kinh doanh đa dạng và do đó làm tăng khả năng mở rộng quy mô và phạm vi sở hữu.

*Thứ sáu*, góp phần hình thành hệ giá trị xã hội chủ nghĩa và hướng tới sở hữu toàn dân trên cơ sở phát huy bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam với nền tảng là sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân. Sở hữu toàn dân là hình thức sở hữu ở trình độ cao nhất và phù hợp với mục tiêu lâu dài trong phát triển đất nước Việt Nam theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Với bản chất xã hội chủ nghĩa, nhà nước Việt Nam là công cụ để chuyển

hoá nhanh nhất và triệt để nhất từ sở hữu nhà nước vốn là sản phẩm của sự tồn tại nhà nước cho dù mang bản chất nào sang sở hữu toàn dân- loại hình sở hữu chỉ có duy nhất đối với nhà nước xã hội chủ nghĩa và đỉnh cao là chủ nghĩa cộng sản theo học thuyết Mác Lê nin- nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động, trong mọi đường lối, chính sách và hệ giá trị cơ bản của xã hội Việt Nam. Sở hữu nhà nước xã hội chủ nghĩa trở thành công cụ không thể thiếu để bảo vệ, duy trì và phát triển những giá trị xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thông qua vai trò của nhà nước xã hội chủ nghĩa- nhà nước của dân, do dân và vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản dựa trên nền tảng liên minh chặt chẽ giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức. Các giá trị đó của xã hội Việt Nam là “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh” (Văn kiện Đảng XI, trang 266).

Như vậy, việc phát huy triệt để vai trò sở hữu nhà nước góp phần phát triển có hiệu quả nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. □

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia- Sự thật, Trang 595-660. (Phần Tuyên ngôn Đảng Cộng sản).
2. Đảng Cộng sản Trung Quốc (2002), *Báo cáo Chính trị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 16*.
3. Chính phủ, “*Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế*”. Tháng 6/2012.
4. Đại học Kinh tế quốc dân (2002), *Kinh tế chính trị học*, Nhà xuất bản Thống kê. Trang 287-289.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Hiến pháp Việt Nam (sửa đổi năm 2012)
7. Nguyễn Thường Lạng (2006), *Vấn đề bảo hộ quyền sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam*, Nhà xuất bản Lý luận Chính trị.
8. Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015”*.
9. Joseph E. Stiglitz (1995), *Kinh tế học công cộng*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
10. Nguyễn Kế Tuấn, (2010), *Vấn đề sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia. Trang 69-72.
11. Lý Kinh Văn (1998), *Kinh tế Trung Quốc bước vào thế kỷ 21*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia. Trang 67-68.